

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 782/2023/HC-PT
Ngày 30 - 10 - 2023

V/v khởi kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 560/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2023 về “*Khởi kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11763/QĐ-PT ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn N (tên gọi khác: Nguyễn Văn C), sinh năm 1966;

Địa chỉ: Đường Đ, khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Bà Bạch Tuyết H, sinh năm 1965; Địa chỉ: P K12 B, quận H, Thành phố Hà Nội, có mặt;

- Ông Lê Giang N1, sinh năm 1982; Địa chỉ: P N02 K35 T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Hoàng Thị N2 và bà Thái Thị Tố U, Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; bà N2 có mặt, bà U vắng mặt.

* *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Địa chỉ: Số B đường N, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ H2, Chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường Đ, thành phố B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, vắng mặt;

3. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1996, vắng mặt;

Địa chỉ: Đường Đ, khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh C1: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Đường Đ, khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 12/11/2021 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành văn bản số 3137/UBND-TNMT (sau đây gọi tắt là văn bản 3137) về việc giải quyết đơn khiếu nại của 06 hộ gia đình tại xóm A, phường Đ, thành phố B (trong đó có gia đình ông Nguyễn Văn N). Tại văn bản số 3137 UBND thành phố B xác định, nguồn gốc đất của gia đình ông căn cứ vào báo cáo số 74 ngày 20/10/2021 của UBND phường Đ, trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất ở cho nhân dân thuộc xóm A xã Đ được Sở địa chính tỉnh Bắc Ninh duyệt ngày 26/4/2001 và căn cứ hiện trạng sử dụng đất do UBND phường cung cấp thì thửa đất của gia đình ông nằm trong ranh giới thu hồi của dự án dân cư dịch vụ Bãi Án. Dự án công trình nhà ở của gia đình ông là trái phép nên không được bồi thường, hỗ trợ. Việc UBND thành phố kết luận như trên là không có căn cứ. Do đó, ông Nguyễn Văn N đã có đơn khởi kiện tại Tòa án tỉnh Bắc Ninh, yêu cầu Tòa án hủy văn bản 3137 và các quyết định có liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất gia đình ông đang ở là do bố mẹ ông khai hoang; năm 1990, bố ông cho vợ chồng ông ra khu đất này, làm nhà và sinh sống sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp. Khoảng giữa năm 2000, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B thực hiện dự án mở rộng đường Đ đã thu hồi một phần đất của gia đình và bồi thường cho gia đình; phần diện tích còn lại là nhà ở kiên cố và tiếp tục sử

dụng ổn định đến nay. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất làm đất ở cho nhân dân thuộc xóm A xã Đ được phê duyệt ngày 26/4/2001, mặc dù vị trí mốc giới trên bản đồ không đúng với mốc giới sử dụng đất trên thực tế năm 2001 của gia đình ông, (do gia đình không được thông báo về việc thu hồi đất và thông báo kiểm kê đo đạc) nhưng cũng thể hiện một phần diện tích đất ở của gia đình ông nằm trong thửa đất số 02 ký hiệu loại đất thổ cư.

Quá trình gia đình ông sử dụng đất không có bất kỳ tranh chấp với ai cũng như không có bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào lập Biên bản vi phạm, hay được thông báo về việc vi phạm hay bị xử phạt gì. Do đó, việc UBND thành phố B kết luận gia đình ông xây dựng lấn chiếm trái phép trên đất người khác, đất dự án B, đất của ao cá Bắc H3 do UBND phường Đ quản lý là không có căn cứ.

Về việc lập Biên bản kiểm tra xây dựng ngày 10/10/2001

Ngày 10/10/2001 UBND phường Đ đã lập biên bản kiểm tra xây dựng v/v lấn chiếm trái phép trong khu quy hoạch khu dân cư Bãi Ấm, về việc lập biên bản này ông không biết, không chứng kiến. Hơn nữa, nếu UBND thành phố đến kiểm tra, giám định thì sẽ rõ. Sau khi đường Đ hoàn thành, phần nhà đất của gia đình vẫn còn lại, gia đình chỉ chỉnh trang, cải tạo lại và vẫn giữ nền móng nhà cũ để có thể ở được, không có chuyện các gia đình lấn chiếm đất như kết luận của UBND thành phố B.

UBND thành phố B kết luận rằng: Toàn bộ công trình nhà ở được xây dựng năm 2001 nằm trong quy hoạch Dự án DCDV Bãi Ấm là công trình xây dựng trái phép đã lập biên bản do vậy không được lập phương án bồi thường, hỗ trợ (theo điểm a, khoản 2, điều 18 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998 của Chính Phủ). Kết luận như vậy là không đúng sự thật.

Do đó, ông Nguyễn Văn N khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của UBND thành phố B về việc giải quyết đơn của công dân, đề gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất của gia đình. Đề nghị tòa án xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố B trình bày:

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-CT ngày 19/7/2002 của UBND tỉnh B v/v thu hồi đất và giao đất cho UBND xã Đ để giao đất cho nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-CT ngày 22/7/2004 của UBND tỉnh B v/v phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất để giao đất ở cho nhân dân xóm 1 - phường Đ và nhân dân thị xã Bắc Ninh.

Quá trình rà soát, xác minh nội dung đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn C) được thực hiện như sau:

Sau khi UBND thành phố nhận được đơn của ông Lê Giang N1, địa chỉ: P, N02 khu Q, phường T, quận H, thành phố Hà Nội là Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn Luật sư Thành phố H đại diện theo ủy quyền của 06 công dân Xóm A, phường Đ, thành phố B.

Đơn có nội dung:

- Đề nghị xác định đất do 06 hộ gia đình gồm: Ông Nguyễn Văn N (C), bà Nguyễn Thị H4, ông Trần Văn T1, Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị L, bà Trần Thị N3 đang sử dụng có nằm trong diện thu hồi đất của dự án dân cư dịch vụ Bãi Án hay không?

- Đề nghị xác minh nguồn gốc đất của 06 hộ nêu trên.

UBND thành phố đã giao các cơ quan chuyên môn kiểm tra, báo cáo tại văn bản số 516/UBND-TTr ngày 02/3/2021.

Dự án dân cư dịch vụ Bãi Án là dự án do UBND phường Đ làm chủ đầu tư đồng thời là đơn vị lập hồ sơ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án. Căn cứ trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất ở cho nhân dân thuộc xóm A xã Đ được Sở Địa chính tỉnh Bắc Ninh duyệt ngày 26/4/2001, căn cứ hiện trạng sử dụng đất do UBND phường cung cấp và một số hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ, đất do hộ ông Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn C) đang sử dụng theo hiện trạng tương ứng với các thửa đất số 2, 3 trên trích đo bản đồ địa chính.

Ngày 07/10/2021, UBND thành phố B đã giao Phòng T3 thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp xác minh, làm rõ nội dung đơn.

Ngày 15/10/2021, Ban lãnh đạo khu 1, phường Đ và các đồng chí nguyên là Ban lãnh đạo khu, Ban giám sát nhân dân khu 1, phường Đ tại thời điểm lập hồ sơ thu hồi đất năm 2001 tổ chức họp và có báo cáo kết quả nội dung xác minh nguồn gốc đất của 06 hộ khu 1, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn C) nằm vào dự án DCDV B khu A, Đại Phúc gửi UBND phường Đ và UBND thành phố B.

Ngày 20/10/2021, UBND phường Đ có báo cáo số 74/BC-UBND v/v xác minh nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất 06 hộ gia đình khu 1 thuộc dự án DCDV B, phường Đ trong đó có Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn C).

Căn cứ các văn bản pháp lý kể trên và báo cáo của khu 1, báo cáo UBND phường Đ, UBND thành phố B nhận thấy:

Diện tích đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài được giao chia từ năm 1992-1993 của hộ ông Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn C) tại khu B là 262m². Tại dự án xây dựng đường Đấu Mã, đất của gia đình ông C đã bị thu hồi một phần và đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ 221m² đất nông nghiệp ngày 04/8/2000 (Trong đó bao gồm kinh phí bồi thường đất, kinh phí tôn tạo đất, kinh phí hoa màu và kinh phí trợ cấp khi tháo dỡ nhà, công trình xây dựng trên đất ở không hợp pháp xây dựng, làm nhà trước ngày 15/10/1993 với mức trợ cấp là 70% mức đền bù). Hộ ông C còn lại 41m² đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài được giao chia chưa bồi thường, hỗ trợ và 41m² đất còn lại này nằm trong ranh giới thu hồi của dự án dân cư dịch vụ Bãi Án. Sau khi nhận tiền bồi thường hỗ trợ tại dự án xây dựng đường Đ, năm 2001 ông C tiếp tục xây dựng công trình, nhà ở trên 41m² đất nông nghiệp còn lại và trên một phần diện tích đất bờ ao cá Bác H3 do UBND phường Đ quản lý. Toàn bộ công trình, nhà ở được xây dựng năm 2001 nằm trong quy

hoạch dự án dân cư dịch vụ Bãi Án, Đại Phúc; cụ thể nằm trên thửa số 2, diện tích đo vẽ 165,7m² và một phần thửa số 3, diện tích đo vẽ 98,8m² trên Trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao làm đất ở cho nhân dân thuộc xóm A, xã Đ được Sở Địa chính duyệt ngày 26/4/2001. Tại thời điểm đó, UBND phường Đ đã lập biên bản kiểm tra xây dựng ngày 10/10/2001 v/v hộ ông Nguyễn Văn C xây dựng lấn chiếm trái phép trong khu quy hoạch khu dân cư Bãi Án, xã Đ đã được Sở xây dựng tỉnh Bắc Ninh phê duyệt ngày 05/7/2001. Năm 2001, dự án dân cư dịch vụ B, Đại P đã thu hồi và lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông C 77m² đất nông nghiệp (bao gồm 41m² đất nông nghiệp giao chia còn lại và 36m² chênh lệch tăng giữa diện tích thực tế với diện tích được giao chia), đồng thời không lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với công trình xây dựng lấn chiếm trái phép năm 2001 (Căn cứ theo điểm a, khoản 2, điều 18, Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998 của Chính phủ). Đến nay, ông C vẫn chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tại dự án dân cư dịch vụ B, Đ.

Như vậy, hộ ông Nguyễn Văn C đang sử dụng đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp thuộc dự án dân cư dịch vụ Bãi Án, bao gồm một phần diện tích đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài mà gia đình được giao chia (41m²), chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ tại dự án dân cư dịch vụ B và một phần diện tích đất do UBND phường Đ quản lý. Việc UBND thành phố B ban hành Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 đã theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N (C).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường Đ trình bày:

Việc khởi kiện vụ án hành chính của ông N là không có cơ sở. Tại thời điểm triển khai dự án, lập phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì ông Nguyễn Văn N(C) đã được lập phương án bồi thường hỗ trợ với diện tích là 77m²; công trình xây dựng trên đất nông nghiệp và một phần đất công là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đến nay, ông Nguyễn Văn N (C) nggjjg đất với diện tích là 77 hường hỗ trợ thì êu trên của 06 hộ gia đình nêu trên chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ tại dự án, công trình vi phạm chưa tháo dỡ, di chuyển. UBND phường Đ và UBND thành phố B đã giải quyết nhiều lần từ phường đến thành phố. Ngày 12/11/2021, UBND thành phố B đã trả lời công dân tại Văn bản số 3137/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của công dân. Qua đó, UBND thành phố đề nghị các hộ gia đình nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, tháo dỡ tài sản, công trình xây dựng không hợp pháp trên đất nông nghiệp và bàn giao mặt bằng để dự án DCDV Bãi Án được hoàn thành và giao đất cho nhân dân theo kế hoạch. UBND phường Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C1 đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định: Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về yêu cầu hủy Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn của công dân.

Ngoài ra bản án còn quyết định nghĩa vụ về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/5/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phía người khởi kiện trình bày như sau: Bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm cả về thủ tục tố tụng và cả về nội dung, như: Không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất của gia đình ông N, để xác định xem có đúng là lấn lên phần đất ao cá Bác H3 như UBND thành phố B trình bày hay không, mặc dù phía người khởi kiện đã có yêu cầu; không đưa Chủ tịch UBND tỉnh B vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; không xem xét hết yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; Quyết định 3137 là văn bản chứa đựng nội dung liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông N là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tại Quyết định 802 về việc thu hồi đất và Quyết định 1210 về việc phê duyệt phương án bồi thường đều thể hiện đất của gia đình ông N là đất thổ cư, nhưng không được bồi thường là ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông N; đây là những quyết định hành chính có liên quan nên cần xem xét trong cùng vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện đúng trình tự, thủ tục trong việc thu thập, giao nộp chứng cứ, như việc thu thập các bản đồ năm 1992, 1993, 1996 cũng như hồ sơ xác minh nguồn gốc đất đóng dấu treo của UBND phường Đ, nhưng không thể hiện ai là người cung cấp đối với những tài liệu này; việc công khai chứng cứ không có đại diện người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố B. Văn bản 3137 ban hành trên cơ sở đơn tố cáo của 06 hộ dân, nhưng Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết lại chứa đựng nội dung hành chính và được ban hành theo trình tự về giải quyết khiếu nại là trái pháp luật; biên bản về việc vi phạm được lập năm 2001 không đúng thành phần, không được lập tại hiện trường vi phạm mà lập tại trụ sở UBND phường Đ, trong khi đến năm 2006 UBND phường Đ mới thành lập, việc lập biên bản gia đình ông N không biết; không có hồ sơ tài liệu nào trong vụ thể hiện có ao cá Bác H3 mà chỉ thể hiện là đất thổ cư và đất hai lúa, nhưng Chủ tịch UBND thành phố B vẫn khẳng định ông N xây dựng lấn chiếm trên một phần diện tích đất ao cá Bác H3 là thiếu căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng, ông Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là văn bản số 3137/UBND- TNMT, ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Bắc Ninh về giải quyết khiếu nại của 06 hộ dân (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn N). Mặc dù Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã trả lại đơn khởi kiện, vì cho rằng không phải là đối tượng khởi kiện, nhưng tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 35 /2022/QĐ-HC ngày 30/6/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xác định đây là quyết định hành chính, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Ngày 12/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành văn bản số 3137, ngày 20/12/2021 ông Nguyễn Văn N cùng 05 hộ gia đình đã có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh là đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa một số đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, thấy:*

[3] Xét nguồn gốc sử dụng đất: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, báo cáo của các cơ quan chuyên môn thì diện tích đất ông N đang khiếu nại có nguồn gốc là đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài được giao chia từ năm 1992-1993 tại khu B là 262m². Năm 2000, thực hiện dự án xây dựng đường Đ, gia đình ông N đã bị

thu hồi một phần với diện tích 221m² và đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ ngày 04/8/2000; diện tích đất nông nghiệp còn lại 41m² này nằm trong ranh giới thu hồi của dự án dân cư dịch vụ Bãi Ấm. Theo hồ sơ lưu trữ tại chính quyền địa phương, thì sau khi nhận tiền bồi thường hỗ trợ tại dự án xây dựng đường Đ, năm 2001 ông N tiếp tục xây dựng công trình, nhà ở trái phép trên 41m² đất nông nghiệp còn lại và trên một phần diện tích đất bờ ao cá Bác H3 do UBND phường Đ quản lý. Việc xây dựng công trình trái phép của ông N đã được UBND xã Đ (nay là phường Đ) lập biên bản vi phạm ngày 10/10/2001; nội dung thể hiện hộ ông Nguyễn Văn C xây dựng lấn chiếm trái phép trong khu quy hoạch khu dân cư Bãi Ấm, xã Đ đã được Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh phê duyệt ngày 05/7/2001, đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải đình chỉ ngay công trình đã và đang xây dựng; biên bản thể hiện chủ hộ là ông Nguyễn Văn N không ký. Ông Nguyễn Văn N cho rằng không biết và không chứng kiến về việc lập biên bản này nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, trong khi biên bản được lập đã có các thành phần tham gia. Hơn nữa, ông Nguyễn Văn N cho rằng toàn bộ diện tích đất của ông đang sử dụng, làm nhà là đất thổ cư nhưng ông không cung cấp được bất kỳ chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh mình được giao đất, chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp; quá trình ông sử dụng cũng không kê khai, đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên nội dung văn bản số 3137 trả lời ông xác định nguồn gốc sử dụng đất của ông là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về trình tự ban hành văn bản, thấy: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Lê Nam G là đại diện theo ủy quyền của 06 hộ dân; ngày 07/10/2021 UBND thành phố B đã giao cho Phòng T3 chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn xác minh, làm rõ nội dung đơn; trên cơ sở kết quả xác minh, báo cáo của tổ xác minh, báo cáo của UBND phường Đ thấy rằng việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn N không có căn cứ, nên ngày 12/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành văn bản số 3137 về việc giải quyết đơn của công dân là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[5] Về xem xét quyết định hành chính có liên quan: Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện có yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định 802/QĐ-CT ngày 19/7/2002 của UBND tỉnh B v/v thu hồi đất và giao đất cho UBND xã Đ để giao đất cho nhân dân. Tuy nhiên, nội dung khởi kiện của ông N là không đồng ý với Văn bản 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của UBND thành phố B về xác định nguồn gốc sử dụng đất, vị trí thửa đất; Quyết định 802 của UBND tỉnh B là quyết định tổng thể về thu hồi đất, không phải là quyết định thu hồi riêng đất của ông N, tại phiên tòa phúc thẩm ông N khẳng định Quyết định 802 không thu hồi đất của gia đình ông. Do đó, nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn N không liên quan đến quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N là có căn cứ, phù hợp với pháp luật; quá

trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới có ý nghĩa chứng minh yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp tại biên lai số 0000375, ngày 29/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh; xác nhận ông N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm